TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dạng

Ông Lâm Quang Toản

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung B, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Tô Hòa H, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Chợ M, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2022 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Thị Kiều O trình bày:

Chị O và anh Tô Hòa H được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không

còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng anh H vẫn không thay đổi. Vợ chồng có 02 con chung tên Tô Xuân N, sinh ngày 26/11/2014 và Tô Thiện P, sinh ngày 07/10/2016 đang sống chung chị O. Chị O yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H, chị được nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Tô Hòa H có lời trình bày vào ngày 22-8-2022:

Anh thống nhất lời trình bày của chị O về quan hệ hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh có nhiều lần có lời nói làm cho chị O tổn thương nhưng anh không đồng ý ly hôn, mong muốn hàn gắn. Về con chung thống nhất vợ chồng có 02 người con tên Tô Xuân N, sinh ngày 26/11/2014 và Tô Thiện P, sinh ngày 07/10/2016 hiện sống với chị O, nếu chị O cương quyết ly hôn anh đồng ý giao các con cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị O được ly hôn với anh Tô Hòa H và giao cho chị O được nuôi dưỡng các con tên Tô Xuân N, sinh ngày 26/11/2014 và Tô Thiện P, sinh ngày 07/10/2016 đến khi con đủ tuổi 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị O không yêu cầu, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không xem xét do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều O khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Tô Hòa H. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị O và bị đơn anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị O và bị đơn anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 118/2012, ngày 10-12-2012 của Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện chị Phan Thị Kiều O và anh Tô Hòa H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân hợp pháp. Chị O khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, nhưng anh H không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng hàn gắn nhưng chị O không đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không

thành vì chị O cương quyết ly hôn do không còn hạnh phúc và không muốn tiếp tục chung sống với anh H. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng chị O trình bày không còn tình cảm thương yêu vợ chồng với anh H, cuộc sống không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm lẫn nhau đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được và chị O vẫn cương quyết ly hôn. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì tình cảm vợ, chồng không còn. Do đó, yêu cầu của chị O xin ly hôn là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"* nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O được ly hôn với anh H; còn anh H xin hàn gắn không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 202 ngày 01-11-2016 và số 235/2014 ngày 22-12-2014 của Ủy ban nhân dân xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, giữa chị O và anh H có hai người con Tô Xuân N, sinh ngày 26-11-2014 và Tô Thiện P, sinh ngày 07-10-2016, chị O xin nuôi các con và anh H cũng đồng ý, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;…",* xét con đang sống với chị O đã ổn định về vật chất, lẫn tinh thần và anh H cũng đồng ý giao con chị O nuôi, nên Hội đồng xét xử giao các con cho chị O nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị O là người yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Kiều O được ly hôn với anh Tô Hòa H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Kiều O được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung Tô Xuân N, sinh ngày 26-11-2014 và Tô Thiện P, sinh ngày 07-10-2016 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Tô Hòa H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Tô Hòa H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002755 ngày 13-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T. Chị O đã nộp đủ án phí. Anh H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND xã Tuân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam